

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 793/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên tại Tờ trình số 513/TTr-BQL ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ sơ phải số hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên (Có phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Thành phần hồ sơ theo khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện số hóa theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục

DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM				
1	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	1.009773.000.00.00.H55	Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4, Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá
2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009765.000.00.00.H55	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);	- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại; - Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	Giải trình, tài liệu liên quan là bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá
3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường	1.009764.000.00.00.H55	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết	Giải trình, tài liệu liên quan là

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
	hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư; - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có); 	<ul style="list-style-type: none"> định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); - Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); 	bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	1.009759.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 		
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp	1.009769.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	phải số hoá
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009766.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn; - Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn; - Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá
7	Thủ tục chấm dứt hoạt	1.009777.000.00.00.H55	- Quyết định chấm dứt hoạt động	- Bản sao Giấy chứng nhận	Bản sao thuộc

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
	động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)		<p>của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; - Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết; - Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế; - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành; 	<p>đăng ký đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp đồng BCC. 	<p>điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá</p>
8	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009748.000.00.00.H55	<p>* Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính 	<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; 	<p>Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá</p>

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			<p>của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư; - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; 		

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). * Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm: - Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư; - Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có). Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên 		

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư		
9	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	1.009775.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có); - Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; - Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			của tổ chức kinh tế đó;		
10	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	1.009776.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành; - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành; - Bản sao hợp đồng BCC. 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009767.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh; - Bản sao một trong các giấy 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
				<p>tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p>	
12	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009771.000.00.00.H55	Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư;		
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ	1.009756.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
	trương đầu tư (BQL)		<p>một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; - Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất 	<p>thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p>	01/2023/TT-VPCP không phải số hoá

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			<p>dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). 		
14	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	1.009774.000.00.00.H55	- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính		
15	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009763.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có); - Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có); - Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
			<p>bán đấu giá tài sản (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. 	<p>báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p>	
16	<p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>	1.009762.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); - Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài 	<p>Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá</p>

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
				chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.	
17	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009768.000.00.00.H55	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có). 	Bản sao thuộc điểm b, khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP không phải số hoá